

## KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM VIẾT VỀ ĐỀ TÀI ĐỒNG TÍNH NAM

**Từ Văn Việt<sup>(1)</sup>, Nguyễn Thị Kim Tiến<sup>(1)</sup>**

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 11/6/2025; Chấp nhận đăng 27/7/2025

Liên hệ email: tienntk@tdmu.edu.vn

### **Tóm tắt**

*Tiểu thuyết Việt Nam viết về đề tài đồng tính nam những năm đầu thế kỷ XXI đã góp phần không nhỏ trong việc phản ánh cuộc sống và thế giới nội tâm của nhân vật đồng tính nam. Bài viết này tập trung khảo sát không gian nghệ thuật trong bốn tiểu thuyết Việt Nam viết về đề tài đồng tính nam được xuất bản từ năm 2000 đến 2020, bao gồm: Một thế giới không có đàn bà, Song song, Lạc giới và Đời callboy. Hai không gian nghệ thuật riêng tư và cộng đồng biểu hiện cho điều gì trong đời sống của người đồng tính nam? Khi đối diện với không gian riêng tư, họ được sống là chính mình hay phải ứng xử và hành động theo một bản dạng khác như khi ở không gian công cộng? Bài viết sẽ kiến giải hai câu hỏi trên qua việc vận dụng phương pháp nghiên cứu so sánh, loại hình và tiếp cận thi pháp học. Từ đó, chỉ rõ đặc điểm và ý nghĩa của không gian sống trong việc kiến tạo thế giới nhân vật, nhằm hướng đến một khát vọng sống định vị bản dạng giới của bản thân trong một cộng đồng xã hội vẫn còn nhiều định kiến, khắt khe nhất là đối với những người đồng tính.*

**Từ khóa:** *đề tài đồng tính, đồng tính nam, không gian nghệ thuật, tiểu thuyết*

### **Abstract**

#### **ARTISTIC SPACE IN VIETNAMESE NOVELS ON GAY THEMES**

*Vietnamese novels on homosexuality theme in the early 21st century have made significant contributions to portraying the lives and inner worlds of gay characters. This article focuses on exploring the artistic space in four Vietnamese homosexual novels published between 2000 and 2020, including *Mot the gioi khong co dan ba* (A World Without Women), *Song Song* (Parallel), *Lac gioi* (Lost in Gender), and *Doi callyboy* (The Life of a Callboy). What do the private and public spaces in these works signify for the lived experiences of gay? In private settings, are these characters allowed to live authentically, or do they still conform to alternate identities as they do in public spaces? The title applied comparative, typological, and poetic approach to seek to answer the following above questions. Through the article aims to elucidate the characteristics and symbolic meanings of spatial representation in constructing the characters' lived realities. Ultimately, the title reveals how spatial dynamics embody the aspiration for self-defined gender identity within a society that remains steeped in prejudice and rigidity, particularly toward homosexual individuals.*

## 1. Giới thiệu

Trong dòng chảy của văn học Việt Nam đương đại, văn chương ngày càng chứng tỏ vai trò tiên phong trong việc khám phá những góc khuất của đời sống xã hội và những biến chuyển thầm lặng trong tâm thức con người. Một trong những dòng chảy đáng chú ý nhất chính là sự xuất hiện và phát triển của các tác phẩm viết về đề tài đồng tính nam. Từ chỗ là một vùng cấm kỵ hay chỉ được đề cập một cách dè dặt, e ngại, đến nay, đồng tính đã trở thành một đề tài được nhiều nhà văn khai thác dưới những góc độ đa dạng, phản ánh một quá trình tự nhận thức và đổi thay ngày càng cởi mở của xã hội Việt Nam. Những tác phẩm viết về đề tài đồng tính không chỉ đơn thuần kể một câu chuyện, mà còn kiến tạo nên cả một thế giới nghệ thuật riêng, nơi những thân phận, những khát khao và những ẩn ức của người đồng tính được cất lên tiếng nói. Đặc biệt trong đó, là các tiểu thuyết viết về đồng tính nam. Đây là một dạng nhân vật được gọi là đồng tính luyến ái bao gồm (gay, les, song tính, chuyển giới - LGBT) nhằm có sự khu biệt với người dị tính. Đồng tính nam là cách gọi tên theo bản dạng thường quy về một vị trí trong phân loại xã hội. Xét từ quan niệm vai trò giới, xã hội quy định các công việc, trách nhiệm hoặc tính cách (nam tính, nữ tính) là chuẩn mực cho nam giới và nữ giới. Theo đó, sự phân định này thường quy chiếu qua hình ảnh bên ngoài, nam tính là mạnh mẽ, quyết đoán; nữ tính là chịu thương, chịu khó, khéo léo, khiêm nhường. Điều này tạo ra một định kiến giới khi nhìn nhận nhãn (bản dạng) của một người là nam (về bên ngoài) nhưng lại mang nét của nữ tính. Dẫn đến quá trình bản dạng của đồng tính nam nói riêng diễn ra ở người nam, là khi cá nhân cảm nhận được các khuynh hướng tình dục hoặc hành vi tình ái với người cùng giới với mình. Chính điều này khiến người đồng tính nam (nói riêng) trong xã hội hiện đại, khi có sự cởi mở nhất định về giới, đã dám bứt lên giới hạn của định kiến, dù họ biết họ “vẫn là thiểu số bị lên án - nạn nhân của những định kiến về khuôn dạng giới và sự phù hợp giữa hình dạng và giới tính có sẵn trong truyền thống xã hội” (Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường, 2014). Đây cũng là cách các tiểu thuyết Việt Nam đương đại phản ánh về một dạng nhân vật thuộc cộng đồng LGBT, đồng tính nam, để có cái nhìn đa chiều về đời sống nhân vật. Qua đó, cho thấy sự dần thân mạnh mẽ của các nhà văn khi lựa chọn viết về đề tài nhạy cảm này.

Trong các yếu tố cấu thành nên tác phẩm văn học, không gian nghệ thuật giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Nó không phải là một chiếc phong nền thụ động, mà là một thành tố hữu cơ, một “nhân vật” thầm lặng kiến tạo nên thế giới của nhân vật, chi phối hành vi, bộc lộ tâm trạng và thể hiện tư tưởng của tác giả. Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu không gian nghệ thuật càng trở nên ý nghĩa. Nó cho phép chúng ta lý giải cách văn học diễn giải về một cộng đồng vốn còn mang nhiều định kiến; cách các nhà văn kiến tạo nơi chốn để nhân vật của mình tồn tại, yêu thương, đấu tranh và trình diễn căn tính.

Để thực hiện mục tiêu trên, bài viết tập trung khảo sát không gian nghệ thuật trong bốn tiểu thuyết được xuất bản từ 2000 đến 2020: *Một thế giới không có đàn bà* (2005) của Bùi Anh Tấn, *Song song* (2007) của Vũ Đình Giang, *Lạc giới* (2008) của Thủy Anna, *Đời callboy* (2012) của Nguyễn Ngọc Thạch. Từ đó, nghiên cứu này sẽ tập trung giải quyết hai câu hỏi cốt lõi: Thứ nhất, hai không gian nghệ thuật riêng tư và cộng đồng biểu hiện cho điều gì trong đời sống của người đồng tính nam? Thứ hai, khi đối diện với không gian riêng tư, người đồng tính nam được sống là chính mình hay phải ứng xử và hành động theo một bản dạng khác như khi ở không gian công cộng?

Bằng việc trả lời những câu hỏi này, bài viết sẽ mang đến một hướng tiếp cận mới, góp phần có những kiến giải rõ hơn về đề tài văn học đồng tính nam nói riêng cũng như

văn học Việt Nam đương đại nói chung khi viết về cộng đồng đồng tính (đồng tính nam và đồng tính nữ), song tính và chuyển giới (LGBT).

## 2. Thực nghiệm

Không gian nghệ thuật bên cạnh thời gian nghệ thuật là một trong những phương diện chủ yếu của thi pháp học. Không đơn thuần là “cái nền” hay “bối cảnh” thụ động cho sự kiện và nhân vật diễn ra, không gian nghệ thuật là một thành tố cấu trúc năng động, tham gia trực tiếp vào việc định hình ý nghĩa, xây dựng hình tượng và thể hiện tư tưởng của nhà văn. Trần Đình Sử (2021) khẳng định, không gian nghệ thuật là “sản phẩm sáng tạo của nhà văn, thể hiện sự cảm nhận không gian của con người, có chức năng biểu nghĩa và có giá trị thẩm mỹ”. Hơn thế nữa, không gian nghệ thuật “thể hiện cấu trúc bên trong của tác phẩm nghệ thuật, sâu sắc hơn nhiều so với khái niệm kết cấu” cho thấy tầm quan trọng của nó trong việc giải mã các tầng lớp ý nghĩa của tác phẩm.

Lý thuyết không - thời gian (chronotope) của Mikhail Bakhtin chỉ ra rằng không gian và thời gian không tồn tại độc lập mà là một thể thống nhất, nơi “thời gian như được cô đặc lại, trở nên hữu hình về mặt nghệ thuật; còn không gian thì được tăng cường, bị lôi cuốn vào sự vận động của thời gian, của chủ đề, của lịch sử.” (Bakhtin, 1992). Các motif không gian như con đường, ngưỡng cửa, hay căn phòng riêng không chỉ là địa điểm mà còn là nơi neo giữ những khoảnh khắc quan trọng trong đời nhân vật, thể hiện cái nhìn của tác giả về con người và thực tại. Trong quá trình này, những diễn biến tâm lý trừu tượng như nhận thức bản thân hay “công khai” được “vật chất hóa” trong những không gian cụ thể như căn phòng riêng tư, quán bar, hay không gian mạng.

Gaston Bachelard, trong *Thi pháp của không gian* (xuất bản lần đầu năm 1957), tiếp cận không gian từ góc độ hiện tượng học, tập trung vào những “không gian được sống” - những không gian thân thuộc như ngôi nhà, căn phòng - nơi chứa đựng ký ức, giấc mơ và khát vọng. Đối với Bachelard, những không gian này mang ý nghĩa kép: chúng có thể là nơi trú ẩn an toàn cho phép nhân vật sống thật với bản thân, nhưng đồng thời cũng có thể trở thành biểu tượng của sự cô lập, tượng trưng cho “chiếc tủ” vô hình.

Có thể thấy, việc vận dụng tổng hợp khung lý thuyết này vào mảng tiểu thuyết Việt Nam viết về đề tài đồng tính nam cho phép chúng ta giải mã cách các tác giả kiến tạo và sử dụng không gian để biểu đạt những trải nghiệm và căn tính phức tạp của nhân vật. Qua đó đóng góp vào việc hiểu sâu hơn cả về phương diện thi pháp lẫn những thông điệp nhân văn mà các tác giả gửi gắm.

Bài viết được chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính sau:

Phương pháp tiếp cận thi pháp học: vận dụng lý thuyết phương pháp này để tìm hiểu các tiểu thuyết từ phương diện hình thức, nhận diện những đóng góp, sáng tạo của các nhà văn về nghệ thuật xây dựng không gian nghệ thuật.

Phương pháp so sánh: bài viết sử dụng phương pháp này khi chỉ ra những nét chung và nét độc đáo riêng qua bốn tiểu thuyết được lựa chọn làm phạm vi khảo sát trong việc xây dựng không gian nghệ thuật. Việc sử dụng phương pháp so sánh kết hợp với phân tích, tổng hợp, đánh giá là cần thiết để lý giải rõ hơn ý nghĩa của không gian riêng tư và không gian công cộng trong đời sống của nhân vật đồng tính nam.

Phương pháp loại hình: phương pháp này giúp chúng tôi phân loại được các loại hình không gian nghệ thuật qua thể loại là tiểu thuyết viết về đề tài đồng tính nam để từ đó phân tích, phát hiện được những nét độc đáo được biểu hiện ở nhân vật.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Không gian riêng tư

Không gian nghệ thuật không chỉ đơn thuần là bối cảnh diễn ra các sự kiện, mà còn là một yếu tố quan trọng, một phương tiện hữu hiệu để nhà văn kiến tạo thế giới nhân vật và chuyên chở những tầng sâu tư tưởng của tác phẩm. Đặc biệt, những không gian mang tính riêng tư như căn nhà, phòng trọ, hay những chốn hẹn hò bí mật thường trở thành “sân khấu” để nhân vật bộc lộ con người thật, nơi những góc khuất tâm tư và khát vọng thầm kín nhất được phơi bày. Đối với nhân vật đồng tính nam, trong một xã hội mà định kiến vẫn là rào cản vô hình thì không gian riêng tư lại càng thể hiện bản ngã cá nhân một cách mạnh mẽ. Đó có thể là một “ốc đảo” an toàn, một chốn nương náu để họ tạm lánh xa những phán xét nghiệt ngã từ thế giới bên ngoài, một nơi họ dám sống thật với bản dạng của mình. Cũng chính tại những không gian này, những mối quan hệ tình cảm, dù đôi khi phải diễn ra trong bí mật và lén lút, mới có cơ hội nảy nở và bộc lộ. Tuy nhiên, không gian riêng tư không phải lúc nào cũng là thiên đường. Trớ trêu thay, nó cũng có thể biến thành một phòng giam vô hình, nơi nhân vật đối diện với nỗi cô đơn cùng cực, sự tù túng của tâm hồn khi không thể sẻ chia, và những giằng xé nội tâm khi phải vật lộn với chính mình trong hành trình kiếm tìm sự chấp nhận và yêu thương.

Trong *Một thế giới không có đàn bà* của Bùi Anh Tấn, không gian nghệ thuật, đặc biệt là những không gian mang tính riêng tư, đóng vai trò then chốt trong việc hé lộ chiều sâu tâm lý và những góc khuất trong đời sống nhân vật. Tiêu biểu là phòng ngủ của thạc sĩ Phạm Hồng Bằng, nơi không chỉ diễn ra bi kịch sau cùng mà còn là một “sân khấu” thầm lặng, trưng bày những mảnh ghép về một cuộc đời phức tạp. Ngòi bút tác giả đã khéo léo kiến tạo một không gian vừa sang trọng, tiện nghi, thể hiện “khiêu thẩm mỹ và biết hưởng thụ” của chủ nhân, lại vừa phảng phất một bầu không khí “oi bức, ngột ngạt” dù “máy lạnh chạy rầm rì” (Bùi Anh Tấn, 2019), như báo hiệu những ngột ngạt trong chính tâm hồn và các mối quan hệ của nhân vật

Những chi tiết tưởng chừng vụn vặt như “một vài cuốn sách kéo lệch” trên giá, “vài bản vẽ còn đang dang dở” trên bàn làm việc, hay “tám ảnh trên đầu giường nạn nhân Bằng đang nhìn Trung với nụ cười tươi trẻ” (Bùi Anh Tấn, 2019) không đơn thuần là những vật bài trí vô tri. Chúng là những chỉ dấu tinh tế, gợi mở về nền tảng giáo dục, sự đam mê và cả những kết nối tình cảm sâu đậm mà Bằng trân trọng. Đặc biệt, hiện trạng của nạn nhân khi được phát hiện - gần như “trần truồng vì chỉ còn mặc độc một chiếc quần lót mỏng” (Bùi Anh Tấn, 2019) ngay tại chốn riêng tư nhất, cùng với tàn dư của một cuộc vui dường như còn dang dở qua “một chai rượu đồ nghiêng đã cạn và vài miếng chả còn tươi” (Bùi Anh Tấn, 2019). Điều này đã mạnh mẽ ám chỉ về một cuộc tao ngộ thân mật, một sự hiện diện của “người khác” ngay trước thời điểm bi kịch ập đến. Chính không gian phòng ngủ này, với tất cả những gì nó chứa đựng, đã trở thành một nhân chứng câm lặng, hé lộ những bí mật trong đời sống tình cảm, có thể là những mối quan hệ đồng giới mà nhân vật đã cố công che giấu.

Đối lập với không gian riêng tư đầy ẩn ức của Bằng, phòng làm việc của Thiếu úy Thành Trung và các đồng nghiệp tuy mang tính chất công cộng, nhưng cũng không hoàn toàn triệt tiêu những khoảnh khắc cá nhân. Những giấc ngủ trưa vội vã, những phút giây nghỉ ngơi ngắn ngủi tại nơi công sở vẫn có thể là nơi cho những suy tư thầm kín, những giấc mơ riêng tư trỗi dậy, như giấc mộng “kinh hoàng” mà Thành Trung trải qua ở phần đầu câu chuyện. Điều này cho thấy, ngay cả trong những không gian tưởng chừng như chỉ dành cho công việc, đời sống nội tâm của con người vẫn luôn tìm cách len lỏi, bộc lộ

những góc khuất riêng tư, dù chỉ là thoáng qua. Qua đó, tác giả không chỉ khám phá không gian riêng tư như một nơi chứa đựng bi kịch và bí mật, mà còn gợi ý về sự tồn tại của những “khoảng lặng” cá nhân ngay trong lòng những không gian chung.

Căn nhà gỗ biệt lập “xa tít ngoại ô”, với kiến trúc có phần “lỗn nhồn tựa mô hình đồ chơi lắp ráp của trẻ nhỏ bị lãng quên” và “khoảng hiên chạy dài vênh vao dị dạng” (Vũ Đình Giang, 2007), không chỉ là một nơi ở của G.g. Nó là một cõi riêng, một lãnh địa của sự cô lập, tách biệt khỏi những chuẩn mực và nhịp điệu thông thường của đời sống. Bên trong, sự “chật chội”, “bài trí lộn xộn” cùng những “góc khuất thành linh thòi ra một thứ gì đó bất ngờ” (Vũ Đình Giang, 2007) là thế giới tâm hồn đầy bất ổn cùng những góc khuất khó đoán định trong con người của G.g. Sự bừa bộn, thể hiện qua hình ảnh “vỏ bao cao su G.g vứt bừa bãi dưới gầm giường” (Vũ Đình Giang, 2007), không chỉ phản ánh một lối sống có phần buông thả mà còn ám chỉ một không gian nơi bản năng được giải phóng, đi kèm với những rủi ro và phức tạp tiềm ẩn. Ngay cả phòng ngủ, dù được miêu tả “khá thoải mái” (Vũ Đình Giang, 2007), vẫn không thoát khỏi sự ám ảnh của những điều bất ngờ, những yếu tố khó lường tựa như chính tâm trạng của G.g. Bi kịch cũng không buông tha không gian này, khi nhà tắm, một nơi vốn mang ý nghĩa thanh tẩy và riêng tư, lại trở thành hiện trường của “cái chết đuối” trong cô đơn do “xuất huyết bao tử vì cuộc rượu quá đà” (Vũ Đình Giang, 2007). Bên cạnh không gian vật lý, *Song song* còn giới thiệu một không gian nội tâm đặc biệt đó là không gian “p”. Đây được xác định là “nơi chốn để G.g trút bỏ tất cả mọi suy nghĩ sâu kín mà không sợ ai dòm ngó” (Vũ Đình Giang, 2007). “p” không phải là một địa điểm cụ thể mà là một cõi tâm tưởng, một lãnh địa riêng tư tuyệt đối, nơi G.g có thể đối diện và thể hiện con người thật của mình một cách trần trụi nhất. Trong không gian phi vật chất này, những ám ảnh, những suy tư về bản dạng, tình yêu và ý nghĩa tồn tại được tự do tuôn chảy, không bị phán xét hay dòm ngó, tạo nên một chiều sâu biểu tượng cho sự phức tạp và những ẩn ức trong tâm hồn nhân vật.

Trái ngược với không gian của G.g, ngôi nhà ba gian truyền thống của Sang, một không gian tưởng chừng ấm áp và quen thuộc, lại hiện lên với những tầng nghĩa phức tạp. “Giường ngủ của bố mẹ nó được che bằng một tấm ri đô hàng chợ mỏng dính” (Thủy Anna, 2014). Không gian này không chỉ khắc họa một nếp sinh hoạt gia đình mà còn ám chỉ sự thiếu vắng không gian riêng tư cần thiết, đặc biệt với một chàng trai đang ở độ tuổi bắt đầu có những cảm nhận và muốn khám phá về bản thân. Chính sự tù túng, ngột ngạt này, cộng hưởng với nỗi xấu hổ khi người mẹ mang thai ở tuổi không còn trẻ, đã âm thầm gieo vào lòng Sang những hạt mầm của cảm giác lạc lõng, một sự bơ vơ ngay trong chính tổ ấm của mình. Đối lập với không gian tù hãm đó, “gốc cây dâu da sau nhà” (Thủy Anna, 2014), nơi Sang và Tú thường xuyên tìm đến để sẻ chia tâm sự, lại mở ra một “khoảng trời riêng” tuy tạm bợ nhưng vô cùng quý giá. Đây là nơi những băn khoăn thầm kín về giới tính, những khám phá đầu đời còn non nớt được thổ lộ, một chốn nương náu cho những tâm hồn đang chấp chững tìm kiếm chính mình.

Nếu không gian gia đình của Sang hàm chứa những áp lực tiềm ẩn, thì đối với nhân vật Tú, các không gian riêng tư khác lại gắn liền với hành trình kiếm tìm tình yêu cùng những trải nghiệm cảm xúc đầy biến động. “Nhà nghỉ ven đê lộng gió. Một trời yêu” (Thủy Anna, 2014) không chỉ là một địa điểm cụ thể mà đã được thi vị hóa, trở thành một không gian nghệ thuật tượng trưng cho những khoảnh khắc lãng mạn, riêng tư của Tú và Hà Mai. Tình yêu tưởng chừng thăng hoa ở đó, nhưng oái ăm thay, hiện thực phũ phàng lại kéo Tú trở về với mặt đất. Sự thiếu vắng “giọt máu nào” trên tấm ga trắng đã biến không gian của “một trời yêu” thành nơi chứng kiến “sự im lặng thất vọng khi biết mình

là người đến sau” (Thủy Anna, 2014) của Tú. Không gian lãng mạn phút chốc hóa thành không gian của sự hụt hẫng, tan vỡ. Rõ ràng Thủy Anna đã khéo sử dụng không gian không chỉ như một phong nền mà còn là một phương tiện để đào sâu vào thế giới nội tâm, làm nổi bật những giằng xé và khát vọng yêu thương của các nhân vật trong *Lạc giới*.

Không gian tâm lý trong *Đời Callboy* (Nguyễn Ngọc Thạch) lại mang ý nghĩa khác khi nó trở thành chốn lao tù của cả thể xác và tinh thần. Ở Quân (*Đời callboy*), không gian sống mang một lớp ý nghĩa riêng. Khi Quân chân ướt chân ráo lên Sài Gòn, căn phòng trọ chật hẹp, bừa bộn của Tâm không chỉ là một chốn nương náu tạm thời mà còn là một không gian mang tính khởi nguyên. Cái “nhỏ hẹp” và sự “chất đầy đồ đạc, quần áo... vất lung tung khắp nơi” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017) không chỉ là hiện thực đời sống sinh viên, người lao động nghèo nơi đô thị, mà còn ngầm gợi một không gian riêng tư, nơi những giới hạn và quy tắc xã hội bên ngoài tạm thời được nói lỏng. Chính trong cái không gian có phần xô bồ nhưng kín đáo ấy, những rung động giới tính đầu tiên của Quân với Tâm đã nảy nở. Những đêm “Tâm trở người rồi quay qua ôm tôi” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017) hay những nụ hôn bất ngờ đã biến căn phòng trọ thành một địa hạt của sự khám phá bản năng, nơi những trải nghiệm tình dục đồng giới đầu đời diễn ra, mang theo cả sự bối rối lẫn những kích thích mới lạ. Đây là không gian chứng kiến những bước chập chững của Quân vào một thế giới tình cảm và dục vọng mà cậu chưa từng biết đến, một sự khởi đầu vừa ngây ngô vừa ẩn chứa những dự báo về một hành trình phức tạp phía trước. Về sau, khi những rạn nứt xuất hiện, căn phòng này cũng trở thành không gian của đối chất và giằng xé, nơi Tâm thú nhận sự thật phũ phàng: “Đó là câu mở đầu Tâm nói với tôi, khi hai đứa đã ngồi trong phòng trọ” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Nó trở thành điểm giao cắt của những quyết định mang tính bước ngoặt, đẩy Quân vào những lựa chọn định mệnh.

Khi Quân có được không gian riêng của mình sau khi rời xa Tâm, căn phòng trọ ấy tưởng chừng sẽ mang lại sự tự do, nhưng trở trêu thay, nó lại trở thành nơi cậu phải đối diện trực diện với nỗi cô đơn cùng cực, đặc biệt là sau khi mối tình với Tuyên tan vỡ. Lời tự thú “Tôi không dám về nhà, vì về nhà, tôi lại nhớ anh... nhớ góc đó anh và tôi đã nằm ôm nhau, nhớ nơi đó anh đứng đánh răng...” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017), không gian sống riêng tư của Quân giờ đây không còn là nơi trú ẩn an toàn mà đã bị xâm chiếm bởi những kỷ niệm, những hình bóng của quá khứ. Mỗi góc nhỏ, mỗi vật dụng đều khơi gợi lại nỗi đau và sự mất mát. Không gian này, dù là “của riêng”, lại không thể che chở Quân khỏi những dằn vặt nội tâm, mà ngược lại, càng làm sâu thêm cảm giác trống trải và sự ám ảnh khôn nguôi về một tình yêu đã tuột khỏi tầm tay. Tương tự, căn nhà của Tuyên, nơi Quân từng trải qua những phút giây hạnh phúc, về sau cũng trở thành một không gian gợi sự chia ly và những điều không thể vấn hồi, một “thiên đường đã mất” mà Quân không còn có thể đặt chân đến.

Việc kiến tạo không gian riêng tư (không gian vật lý và không gian tâm lý) một cách chi tiết, tỉ mỉ, bốn tiêu thuyết không chỉ làm tăng tính chân thực, đa chiều cho hình tượng nhân vật đồng tính nam mà còn mở ra một cánh cửa để độc giả có thể bước vào, thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc hơn với thế giới nội tâm đầy phức tạp, những khao khát và bi kịch riêng của họ. Đây cũng chính là một trong những đóng góp đáng kể, làm phong phú thêm nghệ thuật tự sự và chiều sâu nhân văn trong dòng chảy văn học Việt Nam đương đại khi chạm đến một đề tài còn nhiều ẩn số và mang tính nhạy cảm này.

### 3.2. Không gian cộng đồng

Bên cạnh những khoảnh khắc riêng tư là không gian cộng đồng nơi những sinh hoạt tập thể, những mối quan hệ, giao lưu được thực hiện. Trong bài viết, khi khảo sát qua bốn

tiểu thuyết, chúng tôi nhận thấy không gian cộng đồng được tách thành hai dạng: không gian xã hội rộng lớn và không gian hẹp - nơi dành riêng cho cộng đồng LGBT. Tuy vậy, hai dạng không gian này luôn tồn tại song hành trong tâm thức của nhân vật. Đối với các nhân vật đồng tính, đặc biệt là nhân vật đồng tính nam, dạng không gian này mang nhiều ý nghĩa phức tạp và đa chiều. Không gian rộng là nơi họ, hoặc buộc phải theo những định chế giao tiếp của cộng đồng hoặc là nơi họ thể hiện bản dạng của chính họ. Không chỉ có vậy, khi ở không gian hẹp, họ mới có điều kiện lộ ra (show out) tính nữ bên trong về nam tính bên ngoài, đồng thời, cũng là nơi cho họ có cơ hội tìm kiếm và khẳng định tình yêu đồng tính. Nói cách khác, đó có thể là một nơi họ tìm thấy hơi ấm của sự đồng cảm, sự chấp nhận vô điều kiện, nơi bản dạng giới và xu hướng tính dục của họ được tự do bung nở mà không phải e dè trước những ánh nhìn phán xét hay sự kỳ thị từ xã hội rộng lớn. Những không gian này trở thành chốn nương náu tinh thần, nơi họ có thể sống thật với chính mình, sẻ chia và kết nối. Tuy nhiên, cũng chính những không gian cộng đồng ấy đôi khi lại tiềm ẩn những quy tắc bất thành văn, những mối quan hệ phức tạp, sự cạnh tranh ngầm ngấm, hay thậm chí phơi bày những góc khuất, những mặt trái của một “tiểu văn hóa” cộng đồng LGBT đang trong quá trình định hình và khẳng định vị thế.

Trong *Lạc giới*, không gian vũ trường CatWay hiện lên không chỉ như một bối cảnh giải trí đơn thuần mà còn là một sân khấu phồn tạp, nơi các bản dạng giới được trình diễn một cách công khai và những cấm dỗi của đời sống đô thị hiện hữu rõ nét. Đây chính là cột mốc đầu tiên của hai nhân vật Sang và Tú với một thế giới ngấm đầy màu sắc phức tạp, nơi “nhạc chói tai” và “mấy anh chàng dân gay đưa mắt về gã và Sang mời gọi” (Thủy Anna, 2014).

Không gian CatWay được khắc họa bằng những nét vẽ đặc trưng của chốn ăn chơi hào nhoáng nhưng cũng đầy xô bồ: âm thanh inh ỏi, ánh đèn màu và sự phô diễn đa dạng của các biểu hiện giới. Từ hình ảnh “anh chàng tô son môi đỏ chói, tóc để dài uốn éo” (Thủy Anna, 2014) cho đến “nhân viên nữ mặc váy ngắn, đi bốt cao, xăm môi, xăm mày, cười tình giữ chân khách” (Thủy Anna, 2014) hay “vũ đoàn Sài Gòn” trong trang phục “bikini đỏ chói” (Thủy Anna, 2014). Tất cả tạo nên một bức tranh sống động về sự tự do biểu đạt bản thân, đồng thời cũng ẩn chứa những mời gọi và thách thức khó lường.

Đối với mỗi nhân vật, không gian này lại mang một ý nghĩa và tác động tâm lý riêng biệt. Với Sang, CatWay có thể là một miền đất hứa của sự khám phá, nơi bản năng tò mò và có lẽ cả những khao khát tiềm ẩn về sự tự do thể hiện được khơi gợi. Ngược lại, với Tú, một người có phần giữ gìn và mang những chuẩn mực khác, không gian này lại khơi lên cảm giác “buồn nôn”, “nhức đầu” (Thủy Anna, 2014). Phản ứng này của Tú không chỉ cho thấy sự xa lạ mà còn bộc lộ một thái độ chưa chấp nhận, thậm chí là có phần khó chịu trước những biểu hiện giới mà anh cho là lệch chuẩn hoặc quá đà. Vũ trường CatWay không chỉ là một không gian vật lý mà còn là một không gian tâm lý, một phép thử cho nhận thức và bản lĩnh của các nhân vật khi đối diện với những khía cạnh đa chiều của cuộc sống và bản dạng con người.

Trong tiểu thuyết *Đời callboy* của Nguyễn Ngọc Thạch, việc kiến tạo các không gian nghệ thuật đóng vai trò then chốt trong việc định hình cộng đồng và khắc họa những biến chuyển tâm lý của nhân vật đồng tính nam, đặc biệt là Quân. Các không gian này không chỉ là bối cảnh vật lý đơn thuần mà còn là nơi phản chiếu những mối quan hệ phức tạp, những quy luật ngầm và quá trình thích nghi, thậm chí là tha hóa, của nhân vật.

Trước hết, “nhà lão Tư” một không gian được mệnh danh là “động quỷ” hiện lên như một trung tâm bắt mắt dĩ, nơi quy tụ các callboy. Ngay từ những trang viết đầu tiên

khi Quân bước chân vào, độc giả đã cảm nhận được một thế giới riêng biệt: “Vừa vào nhà đã thấy vài thanh niên khác đang ngồi xem tivi ở phòng khách” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Đây không phải là một cộng đồng được hình thành trên cơ sở tự nguyện hay đồng cảm sâu sắc, mà là một tập hợp những cá nhân bị trói buộc bởi hoàn cảnh mưu sinh và nằm dưới sự chi phối, kiểm soát của lão Tư. Không gian này mang đặc trưng của một “động”, một thế giới ngậm với tính chất khép kín, vận hành theo những luật lệ bất thành văn và không tránh khỏi sự cạnh tranh nghiệt ngã. Ngôn ngữ giao tiếp tại đây nhuốm màu đặc quánh của thế giới trai bao với những cách xưng hô như “má Tư”, “gái”, hay những thuật ngữ như “khui hàng bóc tem” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017), tạo nên một bức tranh đời sống nhốn nháo của các callboy. Đối với Quân, nhà lão Tư vừa là nơi cậu “bối rối” làm quen với “nghề”, dần dà học được cách “cười nói bằng ánh mắt lả lơi, mời gọi” để tồn tại, nhưng cũng là nơi chứng kiến sự đố kỵ, ganh ghét khi cậu trở nên nổi bật “đến nỗi bọn callboy còn lại cũng nhìn tôi bằng ánh mắt ganh tị” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Quan trọng hơn, không gian “động quý” này chính là hiện thân của sự chà đạp nhân phẩm, nơi tình bạn mong manh có thể dễ dàng bị bán đứng vì lợi ích, như cái cách Tâm đã đẩy Quân vào tay lão Tư.

Bên cạnh đó, quán nhậu lại hiện ra như một không gian gặp gỡ tình cờ, nơi những manh nha của một ý niệm cộng đồng bắt đầu hình thành trong nhận thức của Quân. Chính tại đây, cậu lần đầu tiên tiếp xúc với “một nhóm thanh niên... qua cách ăn mặc, nói chuyện và nhất là cách xưng hô “mấy bà, mấy má” của họ, tôi hiểu được họ thuộc về giới nào” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Dù chỉ là một không gian công cộng, quán nhậu lại trở thành nơi những dấu hiệu của một thế giới ngậm, một cộng đồng những người “khác biệt” được hé lộ, giúp Quân có những nhận biết ban đầu về sự tồn tại của những người có cùng xu hướng, dù mỗi liên kết lúc này còn khá rời rạc. Khi hành trình mưu sinh của Quân chuyển hướng, vũ trường, quán bar, sàn nhảy lại mở ra một không gian cộng đồng mới, một “sân khấu” khác cho những trai nhảy. Đây là nơi “đần độn tính tụ tập khá đông nên việc tìm khách không có gì là khó khăn” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Những không gian này được đặc tả với vẻ ồn ào, hào nhoáng, nhưng đồng thời cũng ẩn chứa sự cạnh tranh khốc liệt hơn “đâu thiếu gì đứa đẹp hơn em, và giá cũng rẻ hơn em” và những “luật rừng” nghiệt ngã của giới giang hồ bảo kê: “chỗ nào cũng đã có một nhóm callboy riêng, chúng đi làm, tụ tập nhau thành một nhóm để bảo vệ nhau... Với một người mới vô như tôi, thì chúng bắt phải nộp 5 triệu, coi như là quà ra mắt...” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Cuối cùng, khi những không gian thực không còn là “miền đất hứa”, Quân tìm đến thế giới mạng, một không gian cộng đồng ảo để tiếp tục hành nghề “Callboy Mạng”. Internet mở ra một “thị trường” dường như vô tận, nơi “trên mạng quả thật rất nhiều Gay, hằng hà sa số những cái “nick”” (Nguyễn Ngọc Thạch, 2017). Cơ chế ẩn danh và khả năng tiếp cận dễ dàng của không gian ảo mang lại những cơ hội mới, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới cho người đồng tính nam: sự cạnh tranh về giá cả ngày càng gay gắt và những rủi ro tiềm ẩn từ lừa đảo, những mối nguy hiểm vô hình của thế giới mạng mà chính Quân là người nếm trải rõ nhất.

Việc đi sâu khảo sát các không gian cộng đồng của thế giới thứ ba đã mở ra những góc nhìn sâu sắc hơn về phương thức nhân vật đồng tính nam tương tác, kiến tạo các mối liên kết xã hội, và cách họ đương đầu với những thách thức nội tại cũng như ngoại tại trong chính cộng đồng của mình. Qua đó, bức tranh về đời sống và tâm hồn của họ hiện lên một cách đầy đặn và chân thực hơn.

#### 4. Kết luận

Việc khảo sát bốn tiểu thuyết viết về đề tài đồng tính nam thông qua không gian sống, từ riêng tư kín đáo đến cộng đồng đặc thù, các tác giả đã phân nào soi chiếu sâu sắc tâm lý, thân phận và mối tương tác của nhân vật trong bối cảnh xã hội còn nhiều định kiến khi nhìn vào cộng đồng LGBT. Qua đó, ở một diện khảo sát nhỏ, bài viết đã chỉ ra góc nhìn mới về thi pháp không gian trong việc hệ thống hóa và lý giải cũng như nhận diện một mô hình không gian đặc thù trong dòng văn học viết về đề tài đồng tính nam.

Qua việc chỉ rõ sự kiến tạo cấu trúc không gian sống qua việc xây dựng không gian nghệ thuật của tiểu thuyết viết về đề tài đồng tính nam, tác phẩm của Bùi Anh Tấn, Vũ Đình Giang, Thủy Anna, Nguyễn Ngọc Thạch đã cho thấy một diễn ngôn nhận thức của xã hội về cộng đồng người đồng tính nam trong văn học tại Việt Nam. Từ những kết quả này, chúng tôi đề xuất các hướng nghiên cứu tiềm năng trong tương lai: mở rộng khảo sát sang các thể loại khác như thơ, kịch, truyện ngắn; tiến hành nghiên cứu so sánh với văn học đồng tính nữ trong nước hoặc văn học đồng tính nam ở các quốc gia Đông Nam Á; hay khám phá “không gian ngôn ngữ” trong việc kiến tạo trải nghiệm và căn tính đồng tính. Hy vọng việc tiếp tục khám phá những thể giới nghệ thuật này không chỉ mang ý nghĩa lý luận văn học mà còn góp phần thúc đẩy sự thấu hiểu, đồng cảm và trân trọng sự đa dạng của những trải nghiệm nhân sinh của thể giới nhân vật thuộc cộng đồng LGBT.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bachelard G. (1994). *The Poetics of space: The classic look at how we experience inimate places* (Maria Jolas Translated)]. Boston: Beacon Press.
- [2] Bakhtin M.M. (1992). *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch). NXB Hội Nhà văn.
- [3] Bùi Anh Tấn (2019). *Một thế giới không có đàn bà*. NXB Công an nhân dân.
- [4] Lotman Iu. M. (2004). *Cấu trúc văn bản nghệ thuật* (Trần Ngọc Vương hiệu đính). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Ngọc Thạch (2017). *Đời callboy*. NXB Văn học.
- [6] Tamarchenko N.D (2015). *Không - thời gian* (Lã Nguyên dịch). <https://languyensp.wordpress.com/2015/02/09/chronotope/>.
- [7] Thủy Anna (2014). *Lạc giới*. NXB Văn học.
- [8] Trần Đình Sử (2021). *Không gian nghệ thuật*. <https://trandinhstu.wordpress.com/2021/04/26/khong-gian-nghe-thuat/>.
- [9] Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường (2014). *Diễn ngôn giới và tính dục trong cuộc sống muôn màu*. NXB Tri thức.
- [10] Vũ Đình Giang (2007). *Song song*. NXB Văn nghệ.